

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG SỐ 9**

**Báo cáo tài chính năm 2022 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 33

01172
CÔNG TY
TNHH
H VU TU
HINH KE
KIEM T
PHIA HA
T.P.H

0106
CÔ
CÔ
KHÍ
XÃ
N 1

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Cơ Khí & Đầu Tư Xây Dựng Số 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022.

Công ty CP Cơ Khí & Đầu Tư Xây Dựng Số 9 được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103004359; cấp ngày 21/02/2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp. Thay đổi lần thứ 7 vào ngày 25/06/2020.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty: Xây dựng.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **45.000.000.000 VND**

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2022: **45.000.000.000 VND**

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông : Nguyễn Tự Nguyễn	Chủ tịch HĐQT
Ông : Nguyễn Văn Vinh	Thành viên
Ông : Nguyễn Thu Uyên	Thành viên
Ông : Đỗ Phước Lộc	Thành viên
Ông : Nguyễn Tự Thị	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm:

Ông : Nguyễn Tự Nguyễn	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Đỗ Phước Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Tự Thị	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Thu Uyên	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập 31/12/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thi Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

TM.BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC 



NGUYỄN TỰ NGUYÊN



Số: 320.../BCKT/TC/2023/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty CP Cơ Khí & Đầu Tư Xây Dựng Số 9

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Cơ Khí & Đầu Tư Xây Dựng Số 9, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Cơ Khí & Đầu Tư Xây Dựng Số 9 chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như chúng tôi thuyết minh tại điểm 3 mục VII- Những thông tin khác tại thuyết minh báo cáo tài chính, công ty đang có tổng số các khoản nợ phải thu đã phát sinh trên một năm chưa thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản nợ này. Tuy nhiên, theo chúng tôi Công ty cần phải trích lập bổ sung số dự phòng vào chi phí như đã được nêu tại mục thuyết minh để đúng với hướng dẫn tại thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2023

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



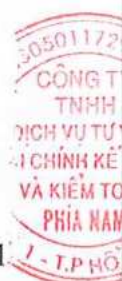
TẠ QUANG LONG

Số Giấy CNĐKHNKT 0649-2023-142-1

Kiểm toán viên

LÊ VĂN THẮNG

Số Giấy CNĐKHNKT 0974-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		475.286.294.030	490.140.265.525
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.820.355.009	12.800.037.989
1 Tiền	111		5.820.355.009	12.800.037.989
2 Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	2.800.000.000	2.800.000.000
1 Chứng khoán kinh doanh	121			
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.800.000.000	2.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		183.884.556.665	297.385.500.389
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	87.935.004.032	149.963.810.701
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	57.127.609.589	78.691.872.222
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	46.532.842.461	73.871.777.898
7 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(8.033.924.657)	(5.464.985.672)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.06	323.025.240	323.025.240
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	280.848.643.081	174.572.119.965
1 Hàng tồn kho	141		280.848.643.081	174.572.119.965
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.08	1.932.739.275	2.582.607.182
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151			-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		644.011.018	2.582.574.262
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	1.288.728.257	32.920
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5 Tài sản ngắn hạn khác	155			
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.590.008.959	7.541.314.709
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.09	775.856.363	780.856.363
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4 Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5 Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6 Phải thu dài hạn khác	216		775.856.363	780.856.363
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		3.982.590.505	6.313.636.509
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.982.590.505	6.313.636.509
- Nguyên giá	222		27.705.239.938	27.203.239.938
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.722.649.433)	(20.889.603.429)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		96.970.000	96.970.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(96.970.000)	(96.970.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	-	185.966.382
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			185.966.382
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	240.000.000	240.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251			
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		240.000.000	240.000.000
3 Đầu tư góp vốn vào công ty khác	253			
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.14	591.562.091	20.855.455
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		591.562.091	20.855.455
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4 Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		480.876.302.989	497.681.580.234

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		423.962.147.910	441.148.718.748
I.	Nợ ngắn hạn	310		423.962.147.910	441.148.718.748
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	155.981.671.113	123.080.984.312
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	35.765.001.861	120.272.787.975
3	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	V.18	3.240.697.678	1.875.187.997
4	Phải trả người lao động	314		4.948.016.534	4.541.557.534
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	23.601.136.228	21.098.076.962
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	199.979.199.035	169.851.353.507
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		446.425.461	428.770.461
13	Quỹ bình ổn giá	323			
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
1	Phải trả người bán dài hạn	331			
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3	Chi phí phải trả dài hạn	333			
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7	Phải trả dài hạn khác	337			
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9	Trái phiếu chuyển đổi	339			
10	Cổ phiếu ưu đãi	340			
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

05011729
CÔNG TY
TNHH
CHÍNH KẾ
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH
553
CÔNG TY
HÀNG
ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG
9
CƠ KHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.914.155.079	56.532.861.486
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	56.914.155.079	56.532.861.486
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	2.632.221.000	2.632.221.000
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5 Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8 Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	8.261.467.526	8.188.157.526
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	1.020.466.553	712.482.960
- LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		602.517.960	345.929.182
- LNST CPP kỳ này	421b		417.948.593	366.553.828
12 Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	431			
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		480.876.302.989	497.681.580.234

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


Hoàng Trọng Tự



Nguyễn Đình Nghĩa



NGUYỄN TỰ NGUYỄN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	604.836.144.427	334.808.101.663
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		604.836.144.427	334.808.101.663
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	567.306.700.145	303.361.530.935
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.529.444.282	31.446.570.728
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	200.669.118	97.194.717
7	Chi phí tài chính	22	VI.04	14.620.521.934	12.737.652.515
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.620.521.934	12.737.652.515
8	Chi phí bán hàng	25	VI.05	3.740.744.863	414.457.591
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	19.224.034.244	16.491.488.010
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		144.812.359	1.900.167.329
11	Thu nhập khác	31	VI.07	424.788.848	86.058
12	Chi phí khác	32	VI.08	40.332.373	1.436.318.846
13	Lợi nhuận khác	40		384.456.475	(1.436.232.788)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		529.268.834	463.934.541
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	111.320.241	97.380.713
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		417.948.593	366.553.828
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	77	80

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Hoàng Trọng Tự

Nguyễn Đình Nghĩa

NGUYỄN TỰ NGUYỄN



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	529.268.834	463.934.541
2	Điều chỉnh cho các khoản		19.925.267.400	18.762.724.561
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.833.046.004	2.791.654.783
-	Các khoản dự phòng	03	2.568.938.985	3.330.611.980
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(97.239.523)	(97.194.717)
-	Chi phí lãi vay	06	14.620.521.934	12.737.652.515
3	Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(57.157.304.265)	(19.754.176.708)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	111.586.872.646	(114.325.334.450)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(106.276.523.116)	(80.396.644.163)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(47.443.391.607)	187.703.529.873
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(384.740.254)	1.924.547
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(14.620.521.934)	(12.737.652.515)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.000.000)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(36.702.768.031)	(527.517.606)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(502.000.000)	(1.452.080.018)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	97.239.523	97.194.717
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(404.760.477)	(1.354.885.301)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3	Tiền thu từ đi vay	33	310.820.975.386	259.178.722.066
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	(280.693.129.858)	(255.952.121.820)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.127.845.528	3.226.600.246
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)	50	(6.979.682.980)	1.344.197.339
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.800.037.989	11.455.840.650
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.820.355.009	12.800.037.989

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Hoàng Trọng Tự

Nguyễn Đình Nghĩa

NGUYỄN TỰ NGUYỄN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Cơ Khí & Đầu Tư Xây Dựng Số 9 được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103004359; cấp ngày 21/02/2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp. Thay đổi lần thứ 7 vào ngày 25/06/2020.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Xây dựng.

3- Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề được Nhà nước cho phép.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2022.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một văn phòng hoạt động độc lập, hạch toán độc lập.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh;

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3- Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền, Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị của từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Là phần giá trị dự kiến bị tổn thất khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được (do hư

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

hồng, lỗi thời, giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) so với giá gốc của hàng tồn kho.

(Công ty không phát sinh dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

5- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Máy móc, thiết bị	05 - 09 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	07 năm
- Tài sản cố định vô hình	10 năm

6- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

- *Chi phí trả trước ngắn hạn*: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.
- *Chi phí trả trước dài hạn*: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạc Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.
- Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm mục đích phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

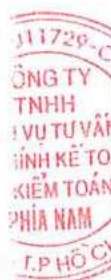
Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được các chi phí liên quan.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện:



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

14- Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15- Nguyên tắc ghi nhận chi phí Quản lý doanh nghiệp

- Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp

16- Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước;

17- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.861.401.217	12.447.330.000
Tiền gửi ngân hàng	958.953.792	352.707.989
- Ngân hàng ĐT&PT VN - CN TP.HCM	912.322.045	324.642.769
- Ngân hàng ĐT&PT VN - Sở GD II	25.931.818	16.043.615
- Ngân hàng ĐT&PT Campuchia - CN TP.HCM	2.040.086	2.033.713
- Ngân hàng VietBank - CN HCM	8.671.951	-
- Ngân hàng khác	9.987.892	9.987.892
Cộng	5.820.355.009	12.800.037.989

02- ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000
Cộng	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000

03- PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	1.775.755.575
- Công ty CP xây dựng Kiến trúc AA Tây Ninh	8.081.800.607	22.435.243.246
- Tổng công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	520.453.489	520.453.489
- Sở Y Tế Thành Phố Cần Thơ	4.590.185.559	4.590.185.559
- Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc	207.809.684	207.809.684
- BQLDA Các Công trình Dân dụng và Công nghiệp Tỉnh Bạc Liêu	81.492.470	81.492.470
- Công ty CP Hưng Thịnh INCONS	5.022.566.163	21.112.015.667
- Công ty CP GREEN MARK CONSTRUCTION	22.521.143.850	14.525.289.928
- Công ty CP Huỳnh Gia Huy	15.219.408.040	34.974.696.064
- Công ty TNHH DELTA - VALLEY Bình Thuận	17.455.606.467	34.899.716.797
- Công ty TNHH Đầu tư BĐS Tường Minh	3.765.999.747	8.010.621.631
- Các đối tượng khác	10.468.537.956	6.830.530.591
Cộng	87.935.004.032	149.963.810.701

04- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- XN XD & Trang trí nội thất - GD Nguyễn Văn Vinh	31.749.750.461	32.599.839.035
- XN Xây lắp số 3 - GD Nguyễn Tự Thị	14.366.114.918	21.469.566.966
- Công ty TNHH XD - TM - DV Thuận Phong	5.308.424.833	9.087.152.660
- Công Ty TNHH XD và Phát Triển Thương mại Quốc Anh	-	1.017.327.922
- Công Ty TNHH VLXD và TTNT Thành Đạt	-	1.882.800.000
- Công Ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Minh Trang	204.979.418	1.714.212.000
- Công Ty TNHH VLXD Đầu tư Đồng Nai	-	2.413.098.000
- Khách hàng khác	5.498.339.959	8.507.875.639
Cộng	57.127.609.589	78.691.872.222

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

05- PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cá nhân	12.153.555.795	37.739.644.106
Phải thu khác	23.553.251.646	24.817.294.007
+ Phí quản lý	5.478.061.816	8.240.318.323
+ Thuế phải thu các đội	1.156.921.441	1.363.052.149
+ Vốn vay các đội	11.867.365.862	9.406.681.572
+ Lãi phải thu các đội	302.509.691	792.463.252
+ Thuế VAT chưa kê khai	136.154.141	366.933.009
+ Khác	4.612.238.695	4.647.845.702
Phải thu khác (dư nợ 338)	10.826.035.020	11.314.839.785
Cộng	46.532.842.461	73.871.777.898

06- TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản kiểm kê thiếu (Chờ xử lý)	323.025.240	323.025.240
Cộng	323.025.240	323.025.240

07- HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên vật liệu, vật liệu	559.126.291		559.126.291	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	280.289.516.790		174.012.993.674	
Cộng	280.848.643.081	-	174.572.119.965	-

08- TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	644.011.018	2.582.574.262
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.288.728.257	32.920
- Thuế GTGT nộp thừa	1.288.728.257	-
- Thuế TNCN nộp thừa	-	32.920
Cộng	1.932.739.275	2.582.607.182

09- PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	775.856.363	780.856.363
Cộng	775.856.363	780.856.363

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

10- TĂNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	23.907.246.204	2.948.504.934	347.488.800	27.203.239.938
2. Số tăng trong năm	502.000.000	-	-	502.000.000
- Mua sắm mới	502.000.000			502.000.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý				-
4. Số dư cuối năm	24.409.246.204	2.948.504.934	347.488.800	27.705.239.938
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	18.810.973.331	1.802.391.298	276.238.800	20.889.603.429
2. Số tăng trong năm	2.627.027.064	191.018.940	15.000.000	2.833.046.004
- Khấu hao trong năm	2.627.027.064	191.018.940	15.000.000	2.833.046.004
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý				-
4. Số dư cuối năm	21.438.000.395	1.993.410.238	291.238.800	23.722.649.433
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH				
1. Tại ngày đầu năm	5.096.272.873	1.146.113.636	71.250.000	6.313.636.509
2. Tại ngày cuối năm	2.971.245.809	955.094.696	56.250.000	3.982.590.505



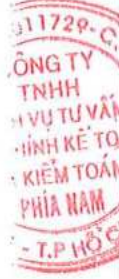
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

11- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu		Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm		96.970.000	96.970.000
2. Số tăng trong năm		-	-
- Mua sắm mới			
3. Số giảm trong năm		-	-
- Giảm do thanh lý			
4. Số dư cuối năm		96.970.000	96.970.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm		96.970.000	96.970.000
2. Số tăng trong năm		-	-
- Khấu hao trong năm			
3. Số giảm trong năm		-	-
- Giảm do thanh lý			
4. Số dư cuối năm		96.970.000	96.970.000
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH			
1. Tại ngày đầu năm		-	-
2. Tại ngày cuối năm		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạc Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

12- CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

- Chi phí Sửa chữa Văn phòng

Số cuối năm	Số đầu năm
185.966.382	
-	185.966.382

13- ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết
+ Công ty TNHH TK & TVXD Tầm Nhìn

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Dự phòng
240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000
240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

14- TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Chi phí trả trước dài hạn

- Công cụ, dụng cụ phân bổ dài hạn

Số cuối năm

Số đầu năm

591.562.091

20.855.455

Cộng

591.562.091

20.855.455

15- PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Số cuối năm

Số đầu năm

Giá trị

Số có khả năng
trả nợ

Giá trị

Số có khả năng
trả nợ

XN Cơ khí xây dựng - GĐ Lê Văn Tiên

4.953.594.933

4.953.594.933

4.953.594.933

4.953.594.933

Công ty CP Tà Zon

6.688.904.544

6.688.904.544

3.502.149.000

3.502.149.000

Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Trí Vã

11.876.068.627

11.876.068.627

13.956.836.186

13.956.836.186

Công ty CP Bê Tông Mũi Né

1.806.287.364

1.806.287.364

3.500.240.000

3.500.240.000

Công ty TNHH MTV TM Thép Hải Hưng

2.633.196.185

2.633.196.185

11.444.344.115

11.444.344.115

Công ty TNHH XD và TM Hợp Nhất GW

1.228.360.505

1.228.360.505

1.209.229.093

1.209.229.093

Ông Đỗ Mỹ

1.822.099.561

1.822.099.561

1.822.099.561

1.822.099.561

Bà Lê Thị Kim Quyên

1.087.871.200

1.087.871.200

1.925.300.400

1.925.300.400

Công ty CP Đăng Việt Construction

5.418.542.219

5.418.542.219

8.131.130.903

8.131.130.903

Công ty TNHH XD TM & DV Ân Nghĩa

1.526.472.000

1.526.472.000

3.709.990.000

3.709.990.000

Công ty TNHH TM DV An Phước Khánh

11.228.062.904

11.228.062.904

15.028.536.660

15.028.536.660

Công ty TNHH TM Thu Hương

8.330.363.664

8.330.363.664

7.209.559.329

7.209.559.329

Công ty TNHH VSL Việt Nam

3.972.194.684

3.972.194.684

6.576.250.829

6.576.250.829

Phải trả cho khách hàng khác

93.409.652.723

93.409.652.723

40.111.723.303

40.111.723.303

Cộng

155.981.671.113

155.981.671.113

123.080.984.312

123.080.984.312

16- NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Số cuối năm

Số đầu năm

Công ty CP Hòn Tằm Biển Nha Trang

2.351.279.959

2.351.279.959

Công ty TNHH Hoa Lâm - Shangri - La 6

-

99.812.976.228

Tổng Công ty Bến Thành - Công ty TNHH MTV

27.608.435.153

17.791.534.343

Công ty Cổ phần khu du lịch Quốc tế Hoàng Long

5.485.664.125

-

Các khách hàng khác

319.622.624

316.997.445

Cộng

35.765.001.861

120.272.787.975

17- CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Số cuối năm

Số đầu năm

Kinh phí công đoàn

1.451.433.462

1.306.874.350

Bảo hiểm xã hội

505.303.475

176.550

Bảo hiểm y tế

164.915.784

-

Bảo hiểm thất nghiệp

71.083.656

-

Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

20.000.000

20.000.000

Các khoản phải trả, phải nộp khác (dư có 3388)

13.802.853.619

8.027.258.553

Các khoản phải trả, phải nộp khác (dư có 138)

7.585.546.232

11.743.767.509

Cộng

23.601.136.228

21.098.076.962

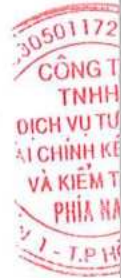
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

18- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	80.178.683	1.288.728.257	-	-	1.368.906.940
- Thuế GTGT phải nộp		80.178.683				80.178.683
- Phần số liệu phân loại thuế			1.288.728.257			1.288.728.257
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	221.573.924	111.320.241	1.288.728.257	1.288.728.257	332.894.165
- Thuế TNDN phải nộp		221.573.924	111.320.241		-	332.894.165
- Phần số liệu phân loại thuế				1.288.728.257	1.288.728.257	-
Thuế thu nhập cá nhân	32.920	1.573.435.390	721.938.302	756.444.199	-	1.538.896.573
- Thuế TNCN Thường xuyên	-	1.145.006.006	721.905.382	756.444.199	-	1.110.467.189
- Thuế TNCN Vãng Lai	-	428.429.384	-	-	-	428.429.384
- Thuế TNCN Chuyển nhượng vốn	32.920	-	32.920	-	-	-
Thuế khác (Thuế môn bài)	-	-	1.000.000	1.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	14.383.350	14.383.350	-	-
Cộng	32.920	1.875.187.997	2.137.370.150	2.060.555.806	1.288.728.257	3.240.697.678



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạc Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

19- VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Đối tượng vay	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN TPHCM	199.979.199.035	199.979.199.035	310.820.975.386	280.693.129.858	169.851.353.507	169.851.353.507
Cộng	199.979.199.035	199.979.199.035	310.820.975.386	280.693.129.858	169.851.353.507	169.851.353.507

Khoản vay Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN TPHCM được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/94899/HĐTD ngày 08/06/2022

- Hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán và mở L/C là 200.000.000.000 VND; Hạn mức bảo lãnh khác 300.000.000.000 VND

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh

- Thời hạn: 12 tháng



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Quận 1, TP.HCM

20- VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	2.632.221.000	8.176.987.426	362.684.282	56.171.892.708
Tăng vốn trong năm trước					-
Lãi trong năm trước				366.553.828	366.553.828
Tăng khác			11.170.100		11.170.100
Giảm vốn trong năm trước					-
Lỗ trong năm trước					-
Giảm khác (Chia cổ tức và trích lập các quỹ)				16.755.150	16.755.150
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	2.632.221.000	8.188.157.526	712.482.960	56.532.861.486
Tăng vốn trong năm nay					-
Lãi trong năm nay				417.948.593	417.948.593
Tăng khác			73.310.000		73.310.000
Giảm vốn trong năm nay					-
Lỗ trong năm nay					-
Giảm khác (Trích quỹ từ LN 2020)				109.965.000	109.965.000
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	2.632.221.000	8.261.467.526	1.020.466.553	56.914.155.079

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của các cổ đông	45.000.000.000	45.000.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.000.000.000	45.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức	Năm trước	Năm nay
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu	Năm trước	Năm nay
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu).

đ. Cổ tức	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

Ghi chú: Lợi nhuận kinh doanh của năm 2020 Đại hội đồng cổ đông chưa công bố chia cổ tức.

e. Các quỹ của doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Quỹ đầu tư phát triển	8.261.467.526	8.188.157.526
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

22- CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Năm nay****Năm trước**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của TS không hủy ngang

Tài sản nhận giữ hộ

Ngoại tệ các loại

Nợ khó đòi đã xử lý

Ghi chú: Công ty không có tài sản ngoài bảng

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**01- DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CCDV****Năm nay****Năm trước**

- Doanh thu thi công xây dựng

604.836.144.427

334.808.101.663

Cộng**604.836.144.427****334.808.101.663****02- GIÁ VỐN HÀNG BÁN****Năm nay****Năm trước**

- Giá vốn thi công xây dựng

567.306.700.145

303.361.530.935

Cộng**567.306.700.145****303.361.530.935****03- DOANH THU TÀI CHÍNH****Năm nay****Năm trước**

- Lãi tiền gửi ngân hàng

97.239.523

97.194.717

- Doanh thu tài chính khác

103.429.595

-

Cộng**200.669.118****97.194.717****04- CHI PHÍ TÀI CHÍNH****Năm nay****Năm trước**

- Chi phí lãi vay

14.620.521.934

12.737.652.515

- Chi phí khác

Cộng**14.620.521.934****12.737.652.515****05- CHI PHÍ BÁN HÀNG****Năm nay****Năm trước**

- Chi phí bảo hành công trình

3.740.744.863

414.457.591

Cộng**3.740.744.863****414.457.591****06- CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP****Năm nay****Năm trước**

- Chi phí nhân viên quản lý

13.113.020.557

10.917.374.474

- Chi phí vật liệu quản lý

358.780.895

200.372.099

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

- Chi phí đồ dùng văn phòng	53.670.929	33.057.539
- Chi phí khấu hao TSCĐ	262.928.661	-
- Thuế, phí và lệ phí	1.000.000	4.160.000
- Chi phí dự phòng	2.568.938.985	3.330.611.980
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.657.920.331	1.556.178.003
- Chi phí bằng tiền khác	1.207.773.886	449.733.915
Cộng	19.224.034.244	16.491.488.010

07- THU NHẬP KHÁC

Năm nay	Năm trước
618.015	86.058
424.170.833	-
424.788.848	86.058

08- CHI PHÍ KHÁC

Năm nay	Năm trước
27.332.373	22.968.232
13.000.000	1.413.349.824
-	790
40.332.373	1.436.318.846

09- CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Năm nay	Năm trước
273.345.084.389	200.261.722.751
150.898.181.164	61.717.048.590
2.833.046.004	2.048.182.425
262.418.970.906	132.864.230.038
8.224.525.783	773.191.506
697.719.808.246	397.664.375.310

10- THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Năm nay	Năm trước
529.268.834	463.934.541
27.332.373	22.969.022
27.332.373	22.969.022
556.601.207	486.903.563
20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	111.320.241	97.380.713
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	417.948.593	366.553.828

11- LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	417.948.593	366.553.828
- Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	73.310.000	5.585.050
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.500.000	4.500.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	77	80

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01- Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

02- Số liệu so sánh

- Số liệu so sánh trên là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

03- Thông tin khác**Thông tin về số liệu kế toán và Nghĩa vụ thuế**

Số liệu kế toán ghi nhận và thực hiện theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước. Việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp của Công ty được áp dụng theo luật thuế, số thuế phải nộp cuối cùng sẽ được cơ quan thuế quyết định khi kiểm tra quyết toán thuế.

Thông tin về nợ lập dự phòng


Nội dung	Tổng số dư nợ	Số dự phòng đã trích	Số cần trích lập bổ sung
Công nợ khó đòi, lập dự phòng	19.959.877.485	8.033.924.659	4.140.662.489

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Hoàng Trọng Tự


Nguyễn Đình Nghĩa




NGUYỄN TỰ NGUYỄN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	630.837.410.610	418.230.793.230
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(533.850.876.891)	(312.009.680.995)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(26.329.884.000)	(16.288.181.489)
4	Tiền lãi vay đã trả	04	(15.207.887.218)	(12.984.836.330)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	27.130.421.571	5.303.883.331
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(119.281.944.176)	(82.779.495.353)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(36.702.760.104)	(527.517.606)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(502.000.000)	(1.452.080.018)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	97.231.596	97.194.717
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(404.768.404)	(1.354.885.301)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		
3	Tiền thu từ đi vay	33	310.820.975.386	259.178.722.066
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	(280.693.129.858)	(255.952.121.820)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.127.845.528	3.226.600.246
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)	50	(6.979.682.980)	1.344.197.339
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.800.037.989	11.455.840.650
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.820.355.009	12.800.037.989

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Hoàng Trọng Tự

Nguyễn Đình Nghĩa

NGUYỄN TỰ NGUYỄN

